

DANH SÁCH ĐIỂM THI PHẦN TIN HỌC VĂN PHÒNG KỲ THI THÁNG 10 NĂM 2014

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
12363227	Võ Thị Hòa	Ân	CD12CA	5,50	6,38	2,00	không đạt
11148056	Vy Ngọc	Ân	DH11DD	8,00	8,13	8,50	8,2
12423003	Bùi Thị	Ân	LT12KEA	5,25	4,50	5,50	5,1
11113256	Nguyễn Văn	An	DH11NH	2,00	5,75	1,00	không đạt
11154001	Trần Thế	An	DH11OT	3,25	6,50	1,25	không đạt
13333002	Nguyễn Thị Thúy	An	CD13CQ	9,25	7,50	6,50	7,8
11170026	Huỳnh Dương Phát	An	DH11KL	8,38	9,13	8,50	8,7
12424007	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	LT12QL	9,00	6,50	1,00	không đạt
12423010	Đào Hải Tường	Anh	LT12KEA	8,38	7,75	6,50	7,5
11124069	Trần Hoài	Anh	DH11QL	8,25	5,50	0,88	không đạt
11160021	Nguyễn Hùng	Anh	DH11TK	8,25	6,63	4,00	6,3
12423005	Phạm Ngọc	Anh	LT12KEB	8,25	7,50	6,50	7,4
12333359	Lê Quốc	Anh	CD12CQ	8,25	8,38	4,00	6,9
10142001	Đồng Thị Lan	Anh	DH10DY	3,75	9,00	4,25	5,7
11169002	Đỗ Vân	Anh	DH11GN	7,50	5,50	2,00	không đạt
11149082	Bùi Phương	Anh	DH11QM	6,88	5,88	1,00	không đạt
11172031	Trần Nguyễn Tuấn	Anh	DH11SM	8,00	7,88	5,00	7
11172029	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	DH11SM	4,50	6,25	9,00	6,6
10154056	Trần Ngọc	ái	DH10OT	9,25	4,88	7,50	7,2
11172001	Trần Thị Minh	ánh	DH11SM	8,00	8,63	8,50	8,4
11145046	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	DH11BV	8,25	8,38	10,00	8,9
11145004	Lê Công	Bằng	DH11BV	9,25	8,50	9,00	8,9
11135036	Nguyễn Lê Công	Bằng	DH11TB	5,50	6,50	7,50	6,5
12114074	Nguyễn Văn	Bảo	DH12LN	1,00	3,63	1,00	không đạt
12363151	Nguyễn Hồ	Bảo	CD12CA	5,75	7,25	4,25	5,8
11157076	Thái Duy	Bình	DH11DL	8,25	6,00	1,00	không đạt
11344055	Nguyễn Thanh	Bình	CD11CI	8,13	3,25	2,75	không đạt
11160001	Trịnh Phước	Bình	DH11TK	9,75	8,88	4,00	7,5
12123074	Võ Thị Sơn	Ca	DH12KE	8,38	4,75	1,00	không đạt
11148063	Lê Thị Hồng	Cầm	DH11DD	2,00	7,00	5,50	không đạt
10112304	Lương Gia	Cẩn	DH10QMG	2,38	5,00	2,00	không đạt
11148064	Lê Thụy Song	Châu	DH11DD	6,50	8,63	8,50	7,9
12123102	Võ Thị Mỹ	Châu	DH12KE	4,50	4,88	2,00	không đạt
11363115	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	CD11CA	7,00	7,00	1,00	không đạt
10113015	Phan Minh	Châu	DH10NH	9,00	7,00	1,75	không đạt
10137037	Nguyễn Thị Hồng	Châu	DH10NL	8,50	9,00	7,25	8,3
12120334	Hứa Minh	Chánh	DH12KT	5,38	7,00	7,50	6,6
10363151	Trần Phong	Chánh	CD10CA	6,00	5,38	4,00	5,1
11148069	Phạm Thị Kim	Chi	DH11DD	10,00	8,25	9,25	9,2

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
11142005	Nguyễn Văn	Chiến	DH11DY	9,25	8,00	5,00	7,4
10157022	Nguyễn Văn	Chiến	DH10DL	6,25	8,88	9,50	8,2
11149113	Nguyễn Văn	Chương	DH11QM	10,00	8,75	9,00	9,3
12422006	Lê Ngọc Hoài	Chung	LT12QT	5,25	7,63	0,88	không đạt
11111003	Dương Văn	Chung	DH11CN	9,25	8,38	8,00	8,5
11116021	Nguyễn Thành	Công	DH11NT	9,25	9,63	8,75	9,2
10124020	Dương Biên	Cương	DH10QL	5,88	7,88	1,00	không đạt
11157003	Đỗ Đăng	Cương	DH11DL	8,00	8,00	3,00	6,3
11145241	Dương Hữu	Cường	DH11BV	9,25	8,63	0,88	không đạt
11149117	Cao Phú	Cường	DH11QM	8,00	8,13	5,25	7,1
11160025	Nguyễn Mạnh	Cường	DH11TP	8,38	8,00	6,00	7,5
10124021	Trần Văn	Cường	DH10QL	7,00	9,50	9,75	8,8
11145242	Đồng Quang	Cường	DH11BV	4,00	5,63	1,25	không đạt
11171123	Trương Thị	Cường	DH11KS	4,00	5,25	3,75	không đạt
11333015	Trần Thị Thu	Cúc	CD11CQ	8,25	6,00	5,25	6,5
12363326	Hoàng Thị	Cúc	CD12CA	4,00	6,50	5,75	5,4
10151003	Lê Công	Danh	DH10DC	7,88	6,88	2,50	không đạt
12333043	Nguyễn Quốc	Danh	CD12CQ	7,25	7,25	4,00	6,2
11128012	Vũ Nguyễn Xuân	Diễm	DH11AV	3,00	7,88	3,50	không đạt
11111070	Đặng Thị Quỳnh	Diễm	DH11CN	9,25	8,50	8,25	8,7
11161017	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	DH11TA	7,25	6,88	9,50	7,9
10173021	Phan Văn	Diện	DH10GE	7,00	8,25	4,00	6,4
11120027	Nguyễn Văn	Diện	DH11KT	7,88	4,50	5,50	6
10123318	Huỳnh Thị	Diệp	DH10KEG	3,50	6,63	3,00	không đạt
11139147	Hà Thị	Diệu	DH11HH	6,00	8,38	4,75	6,4
11139041	Lê Thị Mỹ	Diệu	DH11HH	6,88	8,00	5,00	6,6
10151050	Đào Hồ Thị	Diệu	DH10DC	8,25	6,50	1,13	không đạt
12363033	Võ Thị Kim	Dung	CD12CA	8,00	8,13	7,50	7,9
11125037	Trần Ngọc	Dung	DH11BQ	8,50	9,63	9,50	9,2
11117026	Chu Thị	Dung	DH11CT	9,25	7,63	7,50	8,1
12120054	Phạm Nguyễn Cẩm	Dung	DH12KM	2,38	10,00	1,00	không đạt
12422009	Huỳnh Thị Mỹ	Dung	LT12QT	8,25	8,63	9,00	8,6
11123004	Trương Khắc	Duy	DH11KE	6,75	8,25	6,25	7,1
11333024	Phạm Thị Trúc	Duy	CD11CQ	4,75	7,63	3,50	5,3
11424015	Nguyễn Tấn Phương	Duy	LT11QL	8,38	7,63	8,00	8
10124029	Trương Nhật	Duy	DH10QL	9,00	7,50	6,50	7,7
12124010	Phạm Tiến	Duy	DH12QL	8,25	9,00	5,25	7,5
11111121	Nguyễn Hùng Quốc	Duy	DH11CN	5,50	7,38	3,00	5,3
10333017	Võ Nguyễn Mỹ	Duyên	CD10CQ	6,75	8,63	1,00	không đạt
12127005	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	DH12MT	5,00	7,50	7,50	6,7
12363327	Đặng Thị	Duyên	CD12CA	7,00	7,75	6,00	6,9
11111061	Phan Thị	Duyên	DH11CN	3,50	7,63	3,00	không đạt
10158072	Lê Thị Mỹ	Duyên	DH10SK	9,25	8,25	7,00	8,2
11113265	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	DH11NH	6,00	7,13	3,00	5,4

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
11125147	Nguyễn Thị Sinh	Duyên	DH11BQ	8,00	8,13	8,00	8
12120480	Đỗ Thị Bích	Duyên	DH12KM	7,25	7,75	3,75	6,3
12124148	Lê Đặng Thị Mỹ	Duyên	DH12QL	8,50	8,13	7,50	8
11128021	Vũ Thị Kỳ	Duyên	DH11AV	6,00	7,13	4,75	6
11363003	Lê Thị Mỹ	Duyên	CD11CA	7,88	5,00	3,00	5,3
11142044	Nguyễn Văn Điền	Em	DH11DY	6,00	4,25	4,00	không đạt
11143003	Trần Hoàng Linh	Giang	DH11KM	6,00	7,75	4,25	6
12423030	Lương Thị Hương	Giang	LT12KEB	6,50	5,25	6,50	6,1
11116100	Phạm Trường	Giang	DH11NT	10,00	5,38	5,75	7
11170009	Tổng Hoàng	Giang	DH11KL	9,00	9,75	7,00	8,6
12124164	Trương Thị Cẩm	Giang	DH12QL	7,50	6,88	5,00	6,5
10145036	Nguyễn Thống	Giang	DH10BV	6,25	7,63	4,00	6
12124123	Nguyễn Văn	Giáp	DH12QL	6,38	7,63	7,00	7
11135007	Phí Thị Kiều	Hân	DH11TB	8,38	4,50	5,75	6,2
11148031	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	DH11DD	5,25	7,50	6,50	6,4
12423038	Phan Thị Ngọc	Hân	LT12KEA	7,00	4,13	1,50	không đạt
11333173	Hoàng Thị Ngọc	Hân	CD11CQ	5,25	6,63	5,00	5,6
10112044	Trần Thị Ngọc	Hân	DH10TY	7,38	5,00	2,00	không đạt
10124051	Trần Vũ	Hân	DH10QL	7,88	6,50	8,00	7,5
10158011	Cao Thị Hoa	Hậu	DH10SK	8,38	8,50	1,00	không đạt
10153010	Nguyễn Mạnh	Hậu	DH10CD	9,25	7,75	5,00	7,3
12111267	Phan Xuân	Hậu	DH12CN	6,25	8,50	8,00	7,6
12363265	Đinh Kim	Hằng	CD12CA	9,25	1,38	3,00	không đạt
12363267	Võ Thị	Hằng	CD12CA	4,75	6,50	6,50	5,9
10123326	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	DH10KEG	5,75	5,38	1,75	không đạt
10124048	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	DH10QL	7,50	7,38	5,75	6,9
11111074	Trần Thị	Hằng	DH11CN	6,50	5,88	4,25	5,5
11160041	Phạm Thị Thúy	Hằng	DH11TK	10,00	8,00	9,50	9,2
10363170	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	CD10CA	8,25	6,50	7,25	7,3
11171028	Ngô Thị Thúy	Hằng	DH11KS	6,00	8,63	9,00	7,9
12363328	Dương Thị	Hằng	CD12CA	2,00	7,63	1,00	không đạt
11111097	Trịnh Thị Mộng	Hằng	DH11CN	9,25	5,13	3,00	5,8
11148105	Nguyễn Phạm Nguyên	Hằng	DH11DD	7,50	9,00	5,00	7,2
12363211	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	CD12CA	7,75	1,50	3,00	không đạt
11120096	Phan Thị Bích	Hạnh	DH11KT	6,25	5,38	3,50	5
11333172	Đinh Thị	Hạnh	CD11CQ	6,00	9,13	3,00	6
11170010	Trịnh Hồng	Hạnh	DH11KL	8,25	8,50	6,00	7,6
11135005	Võ Thị Mỹ	Hạnh	DH11TB	10,00	9,75	5,00	8,3
11157451	Mã Thị	Hạnh	DH11DL	5,50	8,50	5,00	6,3
11157118	Vũ Thị Thu	Hà	DH11DL	9,25	9,38	9,50	9,4
11124078	Nguyễn Thị Thu	Hà	DH11QL	8,25	8,00	2,00	không đạt
12122126	Bùi Thị Thu	Hà	DH12TM	9,00	8,50	10,00	9,2
11333165	Nguyễn Thị Lê	Hà	CD11CQ	6,00	9,13	3,25	6,1
11113011	Phạm Vũ Khánh	Hà	DH11NH	8,25	7,63	9,25	8,4

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
11148098	Nguyễn Thị	Hà	DH11DD	8,00	8,63	10,00	8,9
12122129	Trần Thị	Hà	DH12TM	9,25	6,75	8,00	8
11135042	Phan Thanh	Hải	DH11TB	8,25	8,50	5,50	7,4
11145076	Triệu Phúc	Hải	DH11BV	8,25	8,38	8,75	8,5
11155018	Đoàn Thanh	Hải	DH11KN	6,00	5,00	4,25	5,1
11160040	Trần Quang	Hải	DH11TK	9,88	9,13	10,00	9,7
11124080	Phạm Văn	Hải	DH11QL	7,75	9,13	6,75	7,9
10154065	Lý Minh	Hảo	DH10OT	8,25	7,00	3,50	6,3
11157134	Trần Ngọc	Hiền	DH11DL	2,00	6,88	1,00	không đạt
12120406	Phạm Thị	Hiền	DH12KT	8,00	9,50	5,50	7,7
10123276	Vũ Thị Thu	Hiền	DH10KEG	7,75	6,13	5,50	6,5
11333075	Đỗ Thị	Hiền	CD11CQ	8,00	5,63	2,00	không đạt
11149475	Lê Thái	Hiền	DH11QM	6,25	9,38	6,00	7,2
11148111	Nguyễn Thị	Hiền	DH11DD	5,75	8,00	10,00	7,9
11170034	Hoàng Thị	Hiền	DH11KL	8,25	7,88	8,50	8,2
11173003	Lê Thị Thanh	Hiền	DH11QL	8,25	8,88	9,00	8,7
11148303	Nguyễn Quốc	Hiền	DH11DD	9,38	6,63	6,75	7,6
11117002	Đinh Thị	Hiệp	DH11CT	7,38	8,25	6,00	7,2
11149073	Võ Đại	Hiệp	DH11QM	6,50	5,63	3,25	5,1
11135067	Tăng Minh	Hiệp	DH11TB	9,38	8,63	3,75	7,3
11149017	Nguyễn Văn	Hiếu	DH11QM	7,50	6,13	8,50	7,4
11150042	Huỳnh Minh	Hiếu	DH11TM	9,25	10,00	3,50	7,6
12127238	Nguyễn Trần Thị	Hoa	DH12MT	9,25	8,75	9,25	9,1
11143007	Lê Thị	Hoa	DH11KM	8,25	7,38	2,00	không đạt
11336232	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	CD11CS	4,25	7,25	1,00	không đạt
11172237	Hồ Thị Thanh	Hoa	DH11SM	8,50	7,63	5,25	7,1
11157452	Trương Thị	Hội	DH11DL	3,00	8,75	3,00	không đạt
10135038	Nguyễn Văn	Hoan	DH10TB	5,25	8,13	7,00	6,8
11124025	Huỳnh Lê Diễm	Hồng	DH11QL	7,75	4,88	4,50	5,7
10145189	Thị	Hồng	DH10BV	6,00	4,25	1,00	không đạt
12363035	Lê Thị Thúy	Hồng	CD12CA	4,25	8,38	6,00	6,2
12422023	Hoàng Thị Ngọc	Hồng	LT12QT	8,25	8,63	5,50	7,5
12363062	Lê Thị Kim	Hồng	CD12CA	6,25	9,13	6,75	7,4
11122072	Nguyễn Thị	Hoài	DH11QT	1,50	5,63	1,00	không đạt
11135010	Đào Duy	Hoàng	DH11TB	10,00	7,00	3,50	6,8
11151002	Phạm Quang	Hoàng	DH11DC	8,25	8,13	3,75	6,7
11160047	Võ Bá	Hoàng	DH11TK	10,00	7,25	7,00	8,1
10113241	Nguyễn Văn	Hoàng	DH10NHG	7,00	7,50	7,00	7,2
10151013	Nguyễn Văn	Hoàng	DH10DC	8,00	5,13	3,25	5,5
12124373	Lê Đặng Tố	Hoàng	DH12QL	8,25	6,25	7,00	7,2
11172077	Nguyễn Bảo Kim	Hoàng	DH11SM	6,50	7,75	5,00	6,4
11154056	Nguyễn Tâm	Học	DH11OT	8,25	7,63	4,00	6,6
12423056	Bùi Thị	Hưng	LT12KEA	4,75	7,38	5,75	6
10171105	Nguyễn Trần Vĩnh	Hưng	DH10KS	4,50	2,75	3,00	không đạt

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
11111077	Nguyễn Quốc	Hưng	DH11CN	8,25	9,75	3,75	7,3
12111235	Phan Thị Khánh	Hòa	DH12CN	8,25	4,25	1,00	không đạt
11172079	Trần Thị	Hòa	DH11SM	5,25	9,63	3,00	6
11148307	Hà Thị Thu	Hương	DH11DD	2,75	8,63	7,75	không đạt
11113116	Dương Thị	Hương	DH11NH	8,25	8,50	10,00	8,9
11149208	Nguyễn Thị	Hương	DH11QM	8,25	9,00	8,00	8,4
11113117	Mông Thị	Hương	DH11NH	4,00	8,38	6,75	6,4
11141065	Lê Thị Diễm	Hương	DH11NY	7,50	7,13	4,50	6,4
11143010	Trần Thị Thu	Hương	DH11KM	9,25	8,63	10,00	9,3
11124029	Hoàng Thị	Hương	DH11QL	8,25	5,25	3,00	5,5
11135078	Lý Thị Thanh	Hương	DH11TB	6,00	4,50	4,25	không đạt
11148124	Phạm Nguyễn Quỳnh	Hương	DH11DD	9,50	9,00	7,00	8,5
11172003	Lưu Thị Thu	Hương	DH11SM	4,25	9,13	4,00	5,8
11123114	Nguyễn Thị	Hương	DH11KE	5,75	9,75	7,25	7,6
10145061	Lê Diễm	Hương	DH10BV	6,25	7,50	3,00	5,6
13363124	Châu Thị	Hương	CD13CA	2,25	2,25	1,00	không đạt
10160041	Đinh Bá	Hữu	DH10TK	8,25	6,63	3,00	6
11158009	Thiên Sanh	Huấn	DH11SK	3,00	5,00	1,00	không đạt
10126231	Lưu Thị Hồng	Huế	DH10SH	7,50	5,88	2,00	không đạt
12423067	Lê Thị Mỹ	Huệ	LT12KEA	8,25	5,13	4,25	5,9
12363329	Trần Thị	Huệ	CD12CA	7,00	7,75	1,00	không đạt
12363316	Đặng Thị	Huệ	CD12CA	6,50	6,50	2,00	không đạt
10112060	Trần Kim	Huệ	DH10TY	5,25	6,50	1,00	không đạt
10138059	Lê Văn	Hùng	DH10TD	6,00	8,13	9,25	7,8
11154063	Trần Hoàng	Huy	DH11OT	8,25	8,13	7,50	8
11116039	Hồ Minh	Huy	DH11NT	4,25	6,50	4,50	5,1
12423068	Huỳnh Thị Quang	Huy	LT12KEB	4,25	6,13	3,25	không đạt
11160049	Phan Thị Ngọc	Huyền	DH11TK	4,00	8,63	8,25	7
10123296	Phạm Thị Thu	Huyền	DH10KEG	6,50	5,63	6,00	6
11363105	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	CD11CA	7,50	6,25	2,00	không đạt
12120075	Nguyễn Thị	Huyền	DH12KM	7,13	7,13	2,00	không đạt
11333058	Võ Thị Ngọc	Huyền	CD11CQ	5,00	5,13	1,00	không đạt
11172086	Phạm Thị Thanh	Huyền	DH11SM	7,25	8,50	6,25	7,3
11148121	Võ Thị	Huyền	DH11DD	6,25	5,00	4,50	5,3
11333179	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	CD11CQ	7,50	6,63	4,00	6
11141114	Phan Thị Như	Huỳnh	DH11NY	6,25	9,13	4,25	6,5
11116043	Nguyễn Trường	Kha	DH11NT	6,00	6,63	5,50	6
11146071	Võ Minh	Kha	DH11NK	4,75	5,13	3,00	không đạt
11171039	Trần Hoàng	Khang	DH11KS	6,38	9,38	7,50	7,8
11112118	Phạm Chí	Khang	DH11TY	8,75	5,25	3,75	5,9
11143156	Nguyễn Hoàng Duy	Khanh	DH11KM	6,50	9,00	4,00	6,5
12120042	Lý Thị Phi	Khanh	DH12KM	10,00	9,38	10,00	9,8
11116044	Võ Duy	Khánh	DH11NT	9,50	8,63	6,00	8
10153017	Nguyễn Duy	Khánh	DH10CD	9,88	6,63	3,75	6,8

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
11125062	Lê Quốc	Khánh	DH11BQ	9,00	6,63	6,00	7,2
11125061	La Quốc	Khánh	DH11BQ	9,88	8,50	9,00	9,1
11135011	Đinh Lê Vũ	Khánh	DH11TB	7,50	6,00	3,75	5,8
11117046	Nguyễn Đăng	Khoa	DH11CT	7,00	6,13	5,00	6
11160003	Phan Anh	Khoa	DH11TK	7,25	8,00	7,00	7,4
11145038	Lê Tấn	Khôi	DH11BV	7,00	0,00	1,00	không đạt
11157165	Trương Văn	Khương	DH11DL	9,75	0,00	1,00	không đạt
10142064	Phạm Thị Thiên	Kiều	DH10DY	8,00	7,88	5,50	7,1
12422016	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	LT12QT	6,00	9,50	9,50	8,3
12120008	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	DH12KM	2,25	6,25	3,00	không đạt
10134032	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	DH10GB	7,88	2,75	3,00	không đạt
11128047	Lê Phạm Hoàng	Kim	DH11AV	10,00	9,75	9,75	9,8
11143065	Nguyễn Hồng	Kim	DH11KM	7,50	6,75	6,75	7
12363181	Phạm Thị Ly	La	CD12CA	8,00	8,88	3,75	6,9
11116049	Trần Lê Nhật	Lâm	DH11NT	9,25	8,63	7,75	8,5
11113123	Trương Công	Lam	DH11NH	10,00	7,75	4,75	7,5
12424034	Đào Hoàng Nhật	Lan	LT12QL	10,00	7,50	4,00	7,2
12117166	Đào Thị	Lài	DH12CT	10,00	9,63	7,00	8,9
11336125	Nguyễn Hữu	Lãm	CD11CS	9,50	0,00	3,25	không đạt
11125153	Huỳnh Thị Kim	Lành	DH11BQ	8,25	8,50	1,75	không đạt
12120389	Đỗ Thị Mỹ	Lệ	DH12KM	9,25	8,38	3,00	6,9
11424038	Dương Thị	Liêm	LT11QL	7,00	9,38	6,00	7,5
10363059	Nguyễn Thị Thanh	Liêm	CD10CA	6,50	5,63	2,00	không đạt
12145134	Nguyễn Thanh	Liêm	DH12BV	7,00	5,13	3,00	5
11149586	Vi Thị Bích	Liên	DH11QM	4,25	7,88	7,50	6,5
12120351	Lê Thị Như	Liên	DH12KT	8,88	7,63	4,75	7,1
11150046	Phạm Thị Kim	Liên	DH11TM	8,75	8,75	9,00	8,8
10124087	Đặng Thị Thùy	Liên	DH10QL	7,50	7,63	3,50	6,2
11150090	Huỳnh Ngọc	Liếng	DH11TM	7,50	9,63	8,25	8,5
10139113	Lê Vũ	Linh	DH10HH	7,50	7,00	8,25	7,6
11333155	Hồ Khánh	Linh	CD11CQ	10,00	6,88	5,00	7,3
11128053	Huỳnh Thị Thùy	Linh	DH11AV	10,00	8,63	8,00	8,9
12120193	Trương Thị Mỹ	Linh	DH12KT	9,00	9,50	9,00	9,2
11145027	Huỳnh Vũ	Linh	DH11BV	7,50	6,50	6,25	6,8
11124033	Nguyễn Thị ánh	Linh	DH11QL	6,25	8,25	8,00	7,5
11156010	Nguyễn Thị Thúy	Linh	DH11VT	9,00	6,13	4,00	6,4
11120090	Nguyễn Thị Thu	Linh	DH11KT	7,25	4,38	4,00	5,2
12124045	Trần Chí	Linh	DH12QL	9,00	6,00	4,75	6,6
12130900	Lê Thị	Linh	DH12KE	9,00	8,88	6,75	8,2
11148135	Cao Thị Thùy	Linh	DH11DD	9,50	9,38	8,75	9,2
11122081	Phạm Hà Kim	Linh	DH11QT	9,13	9,13	10,00	9,4
11172215	Nguyễn Ngọc	Linh	DH11SM	8,25	8,13	6,00	7,5
12363208	Lương Thị Mỹ	Linh	CD12CA	6,00	3,88	1,00	không đạt
12145015	Ngô Thành	Lộc	DH12BV	6,65	8,13	9,25	8

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
11172109	Thái Cẩm	Loan	DH11SM	8,50	7,25	7,00	7,6
10124101	Phạm Thị Bích	Loan	DH10QL	7,75	5,38	3,00	5,4
11114018	Đặng Tuấn	Lực	DH11LN	8,25	5,38	7,25	7
11154009	Đình Công	Lực	DH11OT	8,88	6,38	6,00	7,1
12126185	Thi Thế	Lực	DH12SH	9,00	9,63	10,00	9,5
11127132	Hồ Xuân	Lợi	DH11MT	9,50	5,75	4,75	6,7
10124102	Lữ Thế	Long	DH10QL	10,00	6,13	3,00	6,4
11117053	Trần Minh	Luân	DH11CT	9,50	7,13	3,00	6,5
12423081	Bùi Thị Kim	Luận	LT12KEA	5,50	6,63	3,00	5
10114082	Trần Công	Luận	DH10QLG	8,25	5,63	3,75	5,9
12127248	Nguyễn Thị Khánh	Ly	DH12MT	7,75	9,63	5,50	7,6
10123298	Hoàng Hải	Ly	DH10KEG	8,25	5,38	10,00	7,9
11150091	Lương Thị Bích	Ly	DH11TM	4,75	5,38	5,75	5,3
11117056	Phan Thị Thảo	Ly	DH11CT	2,00	9,00	10,00	không đạt
11172017	Phạm Thị Mai	Ly	DH11SM	8,50	9,25	10,00	9,3
11170023	Nguyễn Thị	Lý	DH11KL	8,00	5,38	3,50	5,6
11333143	Nguyễn Thị	Lý	CD11CQ	6,00	6,63	5,75	6,1
11363133	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	CD11CA	6,25	9,00	7,25	7,5
11135012	Huỳnh Thị Tuyết	Mai	DH11TB	6,25	6,63	9,75	7,5
11145111	Huỳnh	Mai	DH11BV	6,25	7,75	4,50	6,2
11363156	Trương Thị Ngọc	Mai	CD11CA	5,25	6,25	4,50	5,3
11124090	Trần Lê Ngọc	Mai	DH11QL	4,00	7,63	1,75	không đạt
11160134	Lê Đức	Mạnh	DH11TK	8,00	7,88	5,50	7,1
11160059	Cao Tiến	Mạnh	DH11TK	7,75	5,38	1,00	không đạt
10149287	Sì	Máh	DH10QM	5,50	7,25	9,00	7,3
12333162	Trần Hoàng	Minh	CD12CQ	7,25	7,38	5,00	6,5
11122026	Nguyễn Thị Thùy	Minh	DH11QT	8,25	7,63	4,75	6,9
12123145	Huỳnh Thị ánh	Minh	DH12KE	8,50	8,00	5,00	7,2
12124227	Huỳnh Quốc	Minh	DH12QD	7,75	6,63	7,25	7,2
11145112	Lê	Minh	DH11BV	8,00	8,63	9,00	8,5
11142070	Lê Thị Hồng	Muội	DH11DY	9,25	7,88	7,50	8,2
10139131	Hồ Thị Trà	My	DH10HH	8,38	7,25	6,50	7,4
11143015	Vũ Hà	My	DH11KM	7,00	8,88	6,75	7,5
11142072	Nguyễn Thị Thoại	Mỹ	DH11DY	7,50	6,13	8,75	7,5
10333059	Huỳnh Ly	Na	CD10CQ	8,25	5,50	5,25	6,3
11135049	Nguyễn Lê	Na	DH11TB	9,88	8,25	9,75	9,3
11143160	Hồ Phước	Đại	DH11KM	7,25	7,38	4,50	6,4
11120068	Trần Xuân	Đại	DH11KT	6,00	7,13	4,00	5,7
11145064	Nguyễn Văn	Đại	DH11BV	9,00	8,88	7,75	8,5
10124035	Nguyễn Văn	Đại	DH10QL	7,50	7,63	4,50	6,5
11333170	Nguyễn Thành	Đạt	CD11CQ	9,50	7,38	3,00	6,6
11113086	Nguyễn Tiến	Đạt	DH11NH	8,00	9,38	9,00	8,8
10157039	Trần Văn	Đạt	DH10DL	9,88	3,25	7,50	6,9
12124014	Nguyễn Quốc Thành	Đạt	DH12QL	8,25	9,00	10,00	9,1

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
12126191	Nguyễn Phương	Nam	DH12SH	6,25	4,00	1,00	không đạt
11160004	Nguyễn Thị Mộng	Nam	DH11TK	10,00	9,63	3,00	7,5
11116102	Lê Hoài	Nam	DH11NT	8,25	5,13	6,25	6,5
12153106	Bùi Việt	Nam	DH12CD	7,25	8,75	1,75	không đạt
12145018	Nguyễn Hoàng	Nam	DH12BV	9,88	8,63	5,00	7,8
11125043	Lê Thị	Đào	DH11BQ	6,25	8,13	1,75	không đạt
11157107	Nguyễn Thị	Đào	DH11DL	7,25	7,75	6,75	7,3
12425011	Đặng Thị	Nga	LT12BQ	6,25	5,25	4,75	5,4
12424055	Mai Thị	Nga	LT12QL	9,00	9,13	9,50	9,2
11143237	Đặng Thị	Nga	DH11KM	1,00	5,88	2,00	không đạt
11160062	Trương Ngọc Kim	Ngân	DH11TK	8,00	8,50	9,50	8,7
12333168	Phùng Thị Kim	Ngân	CD12CQ	8,25	9,75	9,00	9
11160063	Lê Văn	Nghĩa	DH11TK	8,50	5,75	1,50	không đạt
11333081	Nguyễn Trọng	Nghĩa	CD11CQ	6,25	4,88	4,00	5
11139091	Võ Phùng Thị Thu	Ngoan	DH11HH	8,00	5,25	3,00	5,4
12122183	Thoòng Kim	Ngọc	DH12TM	8,25	3,38	4,00	5,2
11160065	Trịnh Minh	Ngọc	DH11TK	10,00	9,13	10,00	9,7
11333083	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	CD11CQ	8,50	9,25	1,50	không đạt
11149031	Nguyễn Hồng Bảo	Ngọc	DH11QM	6,25	9,13	8,50	8
11160006	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	DH11TK	7,00	7,50	4,00	6,2
12120411	Đỗ Thị	Ngọc	DH12KT	3,00	8,63	4,00	5,2
12363238	Cao Thị Minh	Ngọc	CD12CA	6,25	5,88	1,00	không đạt
11125078	Nguyễn Thị	Ngọc	DH11BQ	9,50	3,63	1,00	không đạt
11156047	Nguyễn Thị	Ngọc	DH11VT	8,25	7,50	4,00	6,6
12127015	Đoàn Phan Kiều	Ngọc	DH12MT	10,00	8,00	9,75	9,3
11126024	Ka	Ngot	DH11SH	8,25	5,38	4,75	6,1
12363219	Lê Thị Sinh	Ngữ	CD12CA	6,00	7,38	4,75	6
10123247	Nguyễn Sỹ	Nguyên	DH10KEG	7,50	7,25	1,00	không đạt
11149266	Lương Phụng	Nguyên	DH11QM	8,25	5,25	3,00	5,5
10132020	Kim Thị Cẩm	Nguyên	DH10SP	6,00	3,88	2,00	không đạt
11143078	Lương Trần Đài	Nguyên	DH11KM	8,50	6,13	3,00	5,9
12333042	Trần Thị Thảo	Nguyên	CD12CQ	7,25	6,00	3,00	5,4
11145120	Lê Thanh	Nguyên	DH11BV	8,25	8,00	1,75	không đạt
12120103	Lý Kim	Nguyên	DH12KT	8,00	7,50	1,00	không đạt
10153071	Phạm Khả	Nguyên	DH10CD	9,00	8,13	8,00	8,4
11135016	Huỳnh Thị Hạnh	Nguyên	DH11TB	6,00	7,63	5,25	6,3
10154068	Nguyễn Văn	Nguyên	DH10OT	8,25	7,88	5,00	7
11120089	Nguyễn Hiền	Nhân	DH11KT	4,50	7,75	4,00	5,4
11117068	Nguyễn Hữu	Nhân	DH11CT	7,08	5,63	1,25	không đạt
11111108	Đặng Nghĩa	Nhân	DH11CN	2,00	8,13	7,50	không đạt
11111012	Lâm Văn	Nhất	DH11CN	8,50	6,88	4,25	6,5
10153026	Phạm Đức	Nhật	DH10CD	10,00	7,88	5,25	7,7
12422027	Nguyễn Thanh	Nhã	LT12QT	8,00	9,75	9,00	8,9
11363076	Nguyễn Hồ Vi	Nhã	CD11CA	8,25	7,25	6,75	7,4

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
11143016	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	DH11KM	6,25	8,38	10,00	8,2
10125114	Lê Đức	Nhã	DH10BQ	8,00	6,75	9,00	7,9
12123155	Trần Thanh	Nhân	DH12KE	9,25	9,13	10,00	9,5
11149034	Huỳnh Yến	Nhi	DH11QM	8,25	9,75	3,50	7,2
11122092	Lê Thị Yến	Nhi	DH11QT	9,00	4,50	3,00	5,5
11363213	Phạm Thị Hồng	Nhi	CD11CA	9,00	5,50	1,00	không đạt
11128077	Nguyễn Thục	Nhi	DH11AV	8,00	7,63	2,00	không đạt
11124095	Huỳnh Thị Yến	Nhi	DH11QL	8,25	7,00	4,00	6,4
12116287	Lê Thị Bảo	Nhi	DH12KS	2,00	9,25	3,00	không đạt
11125012	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	DH11BQ	7,88	6,25	8,00	7,4
10146029	Lê Huỳnh Yến	Nhi	DH10NK	7,13	4,25	2,00	không đạt
12124381	Lê Quỳnh	Như	DH12QL	8,25	7,75	8,00	8
11157049	Trần Vũ Tố	Như	DH11DL	8,50	9,00	9,00	8,8
11122139	Huỳnh Nguyễn Quỳnh	Như	DH11QT	9,25	8,63	7,00	8,3
11124102	Trần Thị Quỳnh	Như	DH11QL	10,00	9,25	10,00	9,8
12111288	Đỗ Thị Quỳnh	Như	DH12CN	8,00	7,25	3,00	6,1
11171058	Mai Hồng	Nhung	DH11KS	5,75	5,13	5,00	5,3
12423018	Trần Thị Hồng	Nhung	LT12KEA	4,00	4,63	3,25	không đạt
12155154	Nguyễn Kim	Nhung	DH12KN	8,25	8,25	8,25	8,3
10141043	Hồ Hồng	Nhung	DH10NY	10,00	9,50	10,00	9,8
11141047	Trần Thị Kim	Nhung	DH11NY	8,25	5,00	5,00	6,1
12363067	Trần Thị Mỹ	Nhung	CD12CA	3,00	4,75	1,00	không đạt
11156051	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	DH11VT	9,50	7,63	8,00	8,4
10123305	Võ Thị Ngọc	Ni	DH10KEG	8,00	4,38	3,50	5,3
10123304	Trần Thị	Ni	DH10KEG	5,50	8,50	4,00	6
11141041	Dương Thị	Ni	DH11NY	8,00	7,75	10,00	8,6
11148089	Nguyễn Ngọc	Diệp	DH11DD	8,25	8,50	4,00	6,9
11135002	Lê Phúc	Diệp	DH11TB	9,50	8,25	8,25	8,7
11148179	Nguyễn Thị	Nơ	DH11DD	9,50	6,50	7,50	7,8
11363022	Đặng Văn	Độ	CD11CA	8,25	4,63	3,00	5,3
11157237	Phạm Thị Ngọc	Nữ	DH11DL	9,50	8,63	6,25	8,1
11171026	Văn Công	Đức	DH11KS	8,25	7,63	4,50	6,8
10124039	Đặng Hồng	Đức	DH10QL	8,25	6,50	1,75	không đạt
11344017	Nguyễn Trung	Đức	CD11CI	8,25	6,75	1,00	không đạt
13153006	Nguyễn Tam	Đức	DH13CD	6,25	5,88	9,50	7,2
10151007	Nguyễn Huỳnh Công	Đức	DH10DC	9,00	8,50	1,75	không đạt
11127079	Trần Nguyễn Tiến	Đức	DH11MT	7,25	5,50	4,25	5,7
11148092	Nguyễn Trí	Đức	DH11DD	10,00	8,38	9,00	9,1
11157419	Phạm Thị Mỹ	Oanh	DH11DL	6,25	7,38	3,75	5,8
11148180	Nguyễn Thị Kim	Oanh	DH11DD	7,00	5,25	4,75	5,7
12426010	Đặng Thị Kiều	Oanh	LT12SH	8,25	8,25	4,00	6,8
12333197	Trần Thị Thùy	Oanh	CD12CQ	5,50	4,50	5,25	5,1
10135080	Ngô Thị Kiều	Oanh	DH10TB	5,25	5,75	4,75	5,3
13333396	Nguyễn Tú	Oanh	CD13CQ	9,00	4,50	3,00	5,5

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
12111054	Nguyễn Bửu	Phát	DH12TA	8,50	8,50	7,75	8,3
11111112	Mai Tấn	Phát	DH11CN	5,50	3,50	3,25	không đạt
11116114	Bùi Văn	Phố	DH11NT	7,00	7,50	1,75	không đạt
10333068	Nguyễn Thanh	Phong	CD10CQ	7,00	7,63	2,00	không đạt
12423121	Nguyễn Thị	Phồng	LT12KEA	8,00	7,88	4,50	6,8
11150096	Huỳnh Thị Bích	Phường	DH11TM	3,50	7,75	7,00	6,1
11148189	Lê Thu	Phường	DH11DD	8,25	8,75	10,00	9
11123211	Hoàng Thị Tuyết	Phường	DH11KE	6,50	9,25	4,25	6,7
11126185	Nguyễn Thị Bích	Phường	DH11SH	9,00	9,50	8,25	8,9
12116024	Hoàng Thị	Phường	DH12KS	9,25	6,75	6,25	7,4
11124105	Nguyễn Thị Thanh	Phường	DH11QL	6,25	8,38	6,00	6,9
10124301	Nguyễn Thanh	Phường	DH10QLG	8,00	8,88	8,25	8,4
11172254	Đặng Thị Mỹ	Phường	DH11SM	10,00	5,38	5,25	6,9
10123325	Nguyễn Thị	Phường	DH10KEG	8,00	6,13	6,50	6,9
10148189	Huỳnh Bích	Phường	DH10DD	5,75	7,88	1,00	không đạt
11148020	Hình ỨC	Phường	DH11DD	9,00	6,00	7,00	7,3
13123119	Hoàng Thị	Phường	LT13KE	5,50	9,38	3,50	6,1
12120117	Trần Thị Thanh	Phường	DH12KT	7,25	7,13	3,00	5,8
10139179	Nguyễn Văn	Phước	DH10HH	6,25	8,25	9,25	7,9
11125015	Trần Nguyễn Hữu	Phước	DH11BQ	8,00	8,00	7,50	7,8
11148191	Lê Thị Hồng	Phước	DH11DD	6,00	8,38	5,75	6,7
12423120	Nguyễn Thị Kim	Phụng	LT12KEB	9,25	6,63	5,00	7
12124062	Nguyễn Hoàng	Phú	DH12QL	10,00	6,75	10,00	8,9
10113248	Lê Hồng	Phú	DH10NHG	8,00	3,50	1,00	không đạt
10124150	Trương Công	Phú	DH10QL	9,00	6,75	7,50	7,8
11117173	Danh Quốc	Phúc	DH11CT	4,50	6,25	1,00	không đạt
11111118	Nguyễn Viết	Quân	DH11CN	8,25	10,00	4,00	7,4
10333134	Nguyễn Minh	Quân	CD10CQ	9,00	3,50	3,00	5,2
11160137	Hứa Văn	Quân	DH11TK	10,00	5,75	5,00	6,9
11160073	Đặng Nhật	Quang	DH11TK	9,50	6,00	7,00	7,5
10147070	Nguyễn Trọng	Quang	DH10QR	7,50	6,25	0,75	không đạt
11125087	Nguyễn Sỹ	Quang	DH11BQ	9,25	8,25	5,00	7,5
11160009	Đào Thiện	Quế	DH11TK	9,88	8,13	4,75	7,6
12423123	Cao Thị Hồng	Quế	LT12KEB	8,25	8,50	4,50	7,1
11333148	Nguyễn Minh	Quý	CD11CQ	6,75	5,50	2,25	không đạt
11336245	Huỳnh Thị Ngọc	Quý	CD11CS	6,25	6,00	0,75	không đạt
12422035	Hồ Hoàng Bảo	Quy	LT12QT	7,25	7,00	8,75	7,7
11120114	Bùi Thị	Quyên	DH11KT	9,00	6,13	1,00	không đạt
11127308	Trần Thị	Quyên	DH11MT	9,00	8,25	7,00	8,1
11124108	Võ Thị ái	Quyên	DH11QL	9,50	7,50	6,00	7,7
12124069	Bùi Duy	Quyết	DH12QL	9,75	5,75	4,00	6,5
12122215	Nguyễn Bảo	Quỳnh	DH12TM	7,75	7,25	4,00	6,3
11148199	Lê Thị	Quỳnh	DH11DD	9,00	8,50	9,00	8,8
10150067	Nguyễn Huỳnh Như	Quỳnh	DH10TM	6,00	5,25	1,00	không đạt

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
11154014	Ung Ngọc	Quý	DH11OT	7,50	7,25	3,25	6
12422036	Phạm Khắc	Quý	LT12QT	7,75	6,50	3,25	5,8
10172042	Trương Vũ Bằng	Sa	DH10SM	1,00	8,25	5,00	không đạt
12120452	Nguyễn Thị Kim	Sa	DH12KT	8,00	6,50	3,25	5,9
12333315	Trần Thị Thanh	Sang	CD12CQ	6,25	5,50	1,00	không đạt
11124043	Lê Hoàng	Sang	DH11QL	9,50	8,75	7,75	8,7
10124163	Trương Hoàng	Sang	DH10QL	9,25	4,50	1,25	không đạt
12120412	Nguyễn Thị Thùy	Sang	DH12KT	5,00	6,50	0,75	không đạt
12127148	Nguyễn Thành	Sang	DH12MT	5,75	5,25	5,50	5,5
11111120	Hồ Việt	Sang	DH11CN	10,00	8,25	8,50	8,9
12112303	Trần Đình	Sang	DH12TY	8,25	7,25	7,50	7,7
11336167	Dường Cầu	Sin	CD11CS	8,50	7,00	1,00	không đạt
12113079	Thạch Tăng Ngọc	Sinh	DH12NH	9,50	8,75	6,00	8,1
10139190	Huỳnh Đại	Sĩ	DH10HH	8,00	7,25	8,00	7,8
10112151	Đinh Ngọc	Sơn	DH10TY	6,50	5,50	1,50	không đạt
11120060	Trần Duy	Sơn	DH11KT	8,00	5,00	7,25	6,8
10154095	Nguyễn Trường	Sơn	DH10OT	8,00	4,50	3,75	5,4
12120485	Lương Thị Ngọc	Sương	DH12KM	5,75	5,75	4,75	5,4
12333015	Huỳnh Thị	Sương	CD12CQ	8,00	7,25	1,75	không đạt
10142131	Nguyễn Thị Thảo	Sương	DH10DY	9,50	7,00	3,25	6,6
11333016	Phạm Thảo	Sương	CD11CQ	10,00	8,00	6,00	8
11127189	Phan Thị Hoài	Tâm	DH11MT	8,25	8,00	8,25	8,2
12120125	Trần Thị Bằng	Tâm	DH12KM	10,00	8,25	4,00	7,4
11126203	Võ Thị Thanh	Tâm	DH11SH	8,25	5,50	8,50	7,4
11139015	Hà Thiện	Tâm	DH11HH	9,75	9,25	4,00	7,7
11154016	Trương Chí	Tâm	DH11OT	9,50	7,75	5,75	7,7
11126201	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	DH11SH	8,25	8,75	8,00	8,3
10139196	Lương Đức	Tâm	DH10HH	10,00	5,50	8,25	7,9
11135058	Trần Thanh Thanh	Tâm	DH11TB	8,50	7,75	8,00	8,1
12363340	Trần Thị	Tâm	CD12CA	7,75	8,50	9,50	8,6
11122052	Trần Thị Minh	Tâm	DH11QT	4,75	9,00	4,00	5,9
11135057	Nguyễn Minh	Tâm	DH11TB	9,75	9,50	8,00	9,1
11145035	Đoàn Văn	Tấn	DH11BV	9,00	9,00	9,00	9
11127313	Nguyễn Thanh	Tân	DH11MT	9,00	8,75	9,00	8,9
11124045	Nguyễn Thị	Tầm	DH11QL	6,00	8,00	5,25	6,4
12363300	Tăng Thị Thu	Tĩnh	CD12CA	8,25	6,00	1,00	không đạt
11157268	Huỳnh Văn	Tài	DH11DL	9,00	9,25	6,00	8,1
11149507	Nguyễn Đức	Tài	DH11QM	7,75	6,00	1,00	không đạt
11120042	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	DH11KT	8,25	4,50	3,50	5,4
11171144	Hồ Phi	Thân	DH11KS	6,50	3,75	2,00	không đạt
10139219	Phùng Thị	Thĩ	DH10HH	9,00	7,13	4,75	7
12423141	Phan Thị Minh	Thắm	LT12KEA	6,00	5,00	4,00	5
11145154	Trần Thị Mỹ	Thắm	DH11BV	7,75	8,75	8,50	8,3
11113033	Trần Thị Ngọc	Thắm	DH11NH	8,25	7,75	3,25	6,4

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
10113138	Trần Hồng	Thấm	DH10NH	6,75	6,75	8,75	7,4
11145037	Nguyễn Việt	Thắng	DH11BV	9,00	6,50	2,63	không đạt
11157428	Trần Hoài	Thắng	DH11DL	9,00	6,00	1,00	không đạt
12124079	Phan Chí	Thắng	DH12QL	10,00	8,00	3,00	7
10151033	Nguyễn Thiên	Thắng	DH10DC	6,25	7,25	4,00	5,8
11113285	Phan Trường	Thắng	DH11NH	7,50	6,00	1,00	không đạt
12120288	Nguyễn Chiến	Thắng	DH12KM	8,25	7,00	7,00	7,4
11120015	Lê Công	Thạch	DH11KT	9,50	9,50	10,00	9,7
11143209	Nguyễn Đoàn Hồng	Thanh	DH11KM	10,00	3,75	6,00	6,6
11145015	Ngô Thị Kim	Thanh	DH11BV	4,25	7,50	2,25	không đạt
10151030	Phan Đức	Thanh	DH10DC	9,25	6,50	2,00	không đạt
12363296	Tô Hồng	Thanh	CD12CA	6,00	5,25	2,00	không đạt
11116076	Phạm Như	Thành	DH11NT	9,00	9,50	3,00	7,2
11125162	Huỳnh Tấn	Thành	DH11BQ	3,50	6,50	2,00	không đạt
10124300	Lê Trương	Thành	DH10QLG	8,50	4,75	3,75	5,7
11147003	Hà Công	Thành	DH11QR	2,00	7,75	3,50	không đạt
10135096	Nguyễn Văn Trung	Thành	DH10TB	8,00	8,75	7,00	7,9
10139207	Đặng Quốc	Thái	DH10HH	7,25	8,00	10,00	8,4
11172166	Nguyễn Thị Kim	Thái	DH11SM	5,50	4,75	1,00	không đạt
11172167	Trần Thành	Thái	DH11SM	9,25	9,00	3,00	7,1
12333235	Phan Duy	Thái	CD12CQ	9,00	7,25	8,00	8,1
11148286	Đặng Bé	Thảnh	DH11DD	6,25	8,50	9,00	7,9
11143094	Phạm Thị Phương	Thảo	DH11KM	8,50	8,50	3,00	6,7
11124068	Đỗ Quang	Thảo	DH11QL	8,00	7,25	6,50	7,3
10126159	Nguyễn Thị	Thảo	DH10SH	6,00	6,25	0,88	không đạt
12423138	Hoàng Mai Phương	Thảo	LT12KEB	8,00	7,75	3,00	6,3
12124383	Lê Thị Ngọc	Thảo	DH12QL	6,38	6,00	1,75	không đạt
10112167	Nguyễn Thị Dạ	Thảo	DH10TY	8,00	5,00	3,00	5,3
11149343	Trần Văn	Thảo	DH11QM	8,25	7,75	7,50	7,8
10124175	Lê Huỳnh	Thảo	DH10QL	8,25	6,25	6,75	7,1
11363097	Đào Thị Thu	Thảo	CD11CA	6,75	8,25	3,00	6
11122110	Phan Thị Phương	Thảo	DH11QT	7,50	7,75	8,00	7,8
11143093	Nguyễn Ngọc	Thảo	DH11KM	6,25	5,75	1,00	không đạt
12123093	Lê Thị	Thảo	DH12KE	8,25	7,00	4,25	6,5
12363025	Nguyễn Thị Thu	Thảo	CD12CA	6,25	7,00	1,00	không đạt
11117090	Trần Thị Xuân	Thảo	DH11CT	6,00	7,25	9,00	7,4
11116078	Châu Thị Thu	Thảo	DH11NT	8,00	8,50	10,00	8,8
11148207	Chu Thị Thanh	Thảo	DH11DD	7,00	5,25	1,88	không đạt
11157283	Vũ Thị Thanh	Thảo	DH11DL	9,00	8,25	7,25	8,2
12422042	Nguyễn Ngọc Phúc	Thảo	LT12QT	8,25	6,50	2,50	không đạt
11333117	Nguyễn Hoàng	Thảo	CD11CQ	8,25	6,75	6,50	7,2
11150067	Nguyễn Bảo	Thị	DH11TM	8,25	6,50	1,75	không đạt
10333140	Lê Thị ái	Thị	CD10CQ	8,00	4,50	1,75	không đạt
12424076	Nguyễn Thế	Thiêm	LT12QL	7,25	3,25	1,00	không đạt

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
12422044	Hoàng Thị	Thiên	LT12QT	8,25	8,50	9,75	8,8
12120413	Huỳnh Trúc	Thiên	DH12KM	9,00	5,25	3,25	5,8
10161116	Nguyễn Văn	Thiên	DH10TA	8,50	5,75	3,13	5,8
10154042	Lâm Quang	Thiện	DH10OT	7,88	0,25	1,00	không đạt
10135098	Hoàng Chí	Thiện	DH10TB	7,38	7,25	8,00	7,5
11112031	Nguyễn Thị Cẩm	Thơ	DH11TY	6,50	4,50	3,00	không đạt
12122311	Đỗ Thị Cẩm	Thơ	DH12TM	8,25	5,25	1,75	không đạt
11161060	Nguyễn Thị Minh	Thư	DH11TA	7,00	7,75	4,00	6,3
11112289	Lê Thị Quỳnh	Thư	DH11TY	6,38	8,00	5,50	6,6
10124198	Đặng Nguyễn Thanh	Thư	DH10QL	7,25	6,25	5,75	6,4
12125498	Nguyễn Thị Anh	Thư	DH12DD	5,75	6,75	1,00	không đạt
11156067	Nguyễn Thị Phương	Thư	DH11VT	7,50	8,00	9,00	8,2
12123180	Nguyễn Văn Anh	Thư	DH12KE	4,25	6,88	3,75	không đạt
11148229	Nguyễn Thị Anh	Thư	DH11DD	6,38	6,13	8,50	7
10123185	Lê Anh	Thư	DH10KE	8,25	7,25	3,00	6,2
12333446	Võ Anh	Thư	CD12CQ	7,50	8,25	2,00	không đạt
12124305	Huỳnh Thị Minh	Thư	DH12QL	6,25	8,50	9,00	7,9
11141131	Từ Võ Kim	Thư	DH11NY	7,75	7,25	3,50	6,2
11149522	Đào Thị Kim	Thoa	DH11QM	3,75	7,50	2,00	không đạt
11150010	Phạm Thị Kim	Thoa	DH11TM	6,50	5,25	4,00	5,3
12124081	Hồ Thị Kim	Thoa	DH12QL	5,00	6,88	4,50	5,5
12333437	Võ Nguyễn Thị Kim	Thoa	CD12CQ	8,00	6,00	2,00	không đạt
11131053	Lê Thị Kim	Thoại	DH11CH	6,00	6,50	3,00	5,2
11120045	Huỳnh Thị	Thoại	DH11KT	2,00	3,50	4,00	không đạt
12127023	Nguyễn Thị ánh	Thoại	DH12MT	3,75	9,00	9,75	7,5
11123046	Võ Thị	Thoại	DH11KE	6,00	8,00	4,50	6,2
11113288	Đỗ Thị	Thơm	DH11NH	6,38	8,00	7,25	7,2
11336252	Đặng Thị	Thơm	CD11CS	7,25	5,75	1,00	không đạt
11143201	Trần Thị	Thịnh	DH11KM	9,00	6,50	4,63	6,7
11160143	Tô Đức	Thịnh	DH11TK	6,75	8,25	5,25	6,8
11160089	Trần Thị	Thịnh	DH11TK	5,75	8,00	6,00	6,6
12127282	Quách Trường	Thịnh	DH12MT	6,25	6,75	9,00	7,3
11333197	Bùi Phó	Thịnh	CD11CQ	9,00	8,25	1,00	không đạt
11160094	Lê Minh	Thương	DH11TK	7,25	9,25	8,00	8,2
11148340	Lê Thị Mỹ	Thương	DH11DD	8,25	9,00	8,50	8,6
12363154	Hồ Thị Hoài	Thương	CD12CA	8,50	7,75	7,25	7,8
12114223	Bùi Văn	Thỏa	DH12NK	3,75	4,00	1,00	không đạt
12127024	Lê Hoài	Thu	DH12MT	8,00	6,25	7,00	7,1
11117096	Cáp Thị Lệ	Thu	DH11CT	8,38	5,50	4,25	6
11125186	Trần Thị Hoài	Thu	DH11BQG	7,75	8,25	9,00	8,3
10124192	Lê Hoài	Thu	DH10QL	7,00	9,75	9,00	8,6
11123152	Nguyễn Ngọc Diễm	Thu	DH11KE	4,50	7,25	5,00	5,6
10154045	Vũ Công	Thuần	DH10OT	7,75	4,50	5,75	6

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
10134016	Lê Minh	Thuận	DH10GB	7,50	8,25	3,50	6,4
10149276	Bùi Văn	Thuận	DH10QMG	7,00	5,25	3,00	5,1
10153045	Võ Huỳnh	Thuận	DH10CD	6,25	5,25	3,00	không đạt
12120434	Phạm Lã Trọng	Thuận	DH12KM	9,00	9,50	10,00	9,5
13363289	Nguyễn Thanh	Thùy	CD13CA	8,00	8,25	1,00	không đạt
11135023	Nguyễn Thị Kim	Thùy	DH11TB	7,00	8,00	1,75	không đạt
11148224	Bùi Thị	Thúy	DH11DD	8,20	7,75	10,00	8,7
11171082	Lê Thị	Thúy	DH11KS	8,13	8,00	4,00	6,7
12120523	Nguyễn Thị	Thúy	DH12KT	2,50	5,00	1,00	không đạt
11363091	Đỗ Thị Hồng	Thúy	CD11CA	5,38	3,00	1,00	không đạt
11128129	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	DH11AV	4,25	4,00	2,00	không đạt
11125103	Nông Thị Kim	Thủy	DH11BQ	5,25	5,50	3,25	không đạt
11148287	Trần Thị Thu	Thủy	DH11DD	6,25	4,25	3,50	không đạt
11123155	Nguyễn Thị Kim	Thủy	DH11KE	7,25	5,75	3,25	5,4
11128098	Phan Hồng	Thủy	DH11AV	7,25	5,25	4,00	5,5
12333442	Huỳnh Thị Ngọc	Thủy	CD12CQ	7,25	7,00	5,00	6,4
11111045	Lê Nguyễn Xuân	Thủy	DH11CN	7,75	3,25	1,75	không đạt
11135063	Nguyễn Thị Thu	Thủy	DH11TB	7,25	8,00	3,50	6,3
11135064	Dương Quý	Thủy	DH11TB	8,00	7,75	4,25	6,7
11125166	Thái Thị	Thuyền	DH11BQ	4,25	6,75	8,50	6,5
11117099	Nguyễn Thị Ngọc	Thuyền	DH11CT	8,50	7,25	3,25	6,3
11111054	Nguyễn Đào Minh	Thuyết	DH11CN	10,00	7,75	10,00	9,3
11111090	Nguyễn Ngọc Mai	Thy	DH11CN	6,25	7,50	4,00	5,9
10149310	Trần Thanh	Tiến	DH10QMG	6,75	4,50	4,50	5,3
10112198	Nguyễn Hữu Hoàng	Tiến	DH10TY	6,75	6,00	6,75	6,5
11125109	Nguyễn Quang	Tiến	DH11BQ	8,25	9,25	10,00	9,2
11116004	Mai Thanh	Tiến	DH11NT	5,88	5,25	5,50	5,5
11160096	Lê Duy	Tiến	DH11TK	9,00	9,50	8,00	8,8
10149205	Nguyễn Chí	Tiến	DH10QM	9,25	7,00	9,00	8,4
11155016	Võ Thị Lợi	Tiến	DH11KN	8,50	8,50	4,00	7
12120566	Trần Thị Cẩm	Tiên	DH12KM	2,38	7,75	4,50	không đạt
11157434	Lê Thị Kiều	Tiên	DH11DL	6,75	9,25	5,25	7,1
11124112	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	DH11QL	5,00	6,75	5,50	5,8
10135106	Nguyễn Vũ Thùy	Tiên	DH10TB	6,25	5,75	3,50	5,2
11143130	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	DH11KM	6,50	7,00	1,00	không đạt
10112197	Dương Thị Cẩm	Tiên	DH10TY	5,00	8,00	8,50	7,2
11336189	Nguyễn Thị Ngọc	Tiếp	CD11CS	3,25	4,50	1,75	không đạt
11145166	Tạ Trung	Tín	DH11BV	8,25	8,25	7,00	7,8
12124314	Phạm Chí	Tính	DH12QL	3,75	7,50	5,25	5,5
13363322	Trương Thị Mộng	Tinh	CD13CA	5,25	7,75	3,25	5,4
12117017	Hồ Thị	Tinh	DH12CT	8,50	7,75	3,25	6,5
10114052	Mã Văn	Tinh	DH10NHG	6,50	9,25	6,50	7,4
11122144	Nguyễn Thị	Tinh	DH11QT	9,00	4,25	1,25	không đạt
11160098	Hoàng Ngọc	Toàn	DH11TK	9,50	7,75	10,00	9,1

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
11135024	Huỳnh Nguyễn Phước	Toàn	DH11TB	7,50	7,88	8,25	7,9
11125112	Hoàng Thị	Tốt	DH11BQ	6,00	6,50	4,25	5,6
10124244	Huỳnh Văn	Tượng	DH10QL	3,75	8,38	6,00	6
11149055	Lê Thị Ngọc	Trâm	DH11QM	8,50	8,25	5,00	7,3
12145069	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	DH12BV	4,00	8,50	5,25	5,9
11160148	Nguyễn Bảo	Trâm	DH11TK	8,75	6,50	3,25	6,2
11172020	Lý Hoàng Bảo	Trâm	DH11SM	4,25	10,00	7,00	7,1
12363343	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	CD12CA	7,00	7,50	4,25	6,3
11157037	Nguyễn Thị Hoa	Trâm	DH11DL	6,25	8,00	3,25	5,8
11135031	Trần Anh	Trâm	DH11TB	7,50	8,50	7,00	7,7
10148276	Lê Bạch Ngọc	Trân	DH10DD	6,50	6,00	7,50	6,7
11128107	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trân	DH11AV	8,50	9,00	9,00	8,8
12124092	Lê Thành	Trạng	DH12QL	7,88	6,25	3,00	5,7
11143108	Nguyễn Huyền	Trang	DH11KM	8,50	9,00	6,75	8,1
12127187	Nguyễn Đài	Trang	DH12MT	6,25	8,25	9,00	7,8
12122248	Nguyễn Thùy	Trang	DH12TM	4,00	6,13	3,00	không đạt
11148046	Lê Thị Thùy	Trang	DH11DD	5,75	7,13	6,00	6,3
10145154	Nguyễn Thị	Trang	DH10BV	6,50	7,25	5,25	6,3
12425019	Đỗ Thị Thiện	Trang	LT12BQ	7,50	6,00	2,00	không đạt
11160146	Trần Thị Thùy	Trang	DH11TK	8,50	9,25	10,00	9,3
12126273	Chu Thị Huyền	Trang	DH12SH	6,25	9,50	5,50	7,1
11160102	Vũ Thị Huyền	Trang	DH11TK	6,00	7,75	10,00	7,9
11126039	Trương Thị Kiều	Trang	DH11SH	7,00	9,63	4,00	6,9
10135119	Trần Nguyễn Thị Th	Trang	DH10TB	6,00	3,50	1,00	không đạt
10135114	Lê Thị Kiều	Trang	DH10TB	6,25	8,75	6,00	7
11126333	Trần Thị Thu	Trang	DH11SH	6,25	4,75	6,00	5,7
12124091	Trương Thị Thùy	Trang	DH12QL	8,75	8,00	10,00	8,9
11145176	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DH11BV	6,25	7,50	10,00	7,9
12125501	Tống Thị Thuỳ	Trang	DH12DD	5,75	7,25	8,00	7
11156013	Kiều	Trang	DH11VT	8,25	8,00	9,00	8,4
11148028	Hồ Thị	Trang	DH11DD	9,00	7,50	8,75	8,4
12424086	Đặng Thị	Treo	LT12QL	8,25	4,50	7,00	6,6
10131064	Phạm Minh	Trí	DH10CH	7,25	6,00	7,00	6,8
11160105	Phạm Trần Hữu	Trí	DH11TK	10,00	9,50	8,50	9,3
11113219	Võ Cao	Trí	DH11NH	9,00	8,75	8,75	8,8
12124332	Huỳnh Nhựt	Trí	DH12QL	8,25	6,00	3,00	5,8
11112292	Nguyễn Thị ái	Triều	DH11TY	8,38	6,50	0,75	không đạt
12127190	Nguyễn Hoài	Trinh	DH12MT	8,50	7,25	9,25	8,3
12333287	Trần Thị Mỹ	Trinh	CD12CQ	6,75	8,00	4,00	6,3
11142167	Tạ Thị Thùy	Trinh	DH11DY	10,00	10,00	10,00	10
11128109	Lưu Thùy	Trinh	DH11AV	6,25	6,75	3,75	5,6
11157039	Huỳnh Đặng Diễm	Trinh	DH11DL	8,25	8,13	5,50	7,3
11135071	Cao Phan Diễm	Trinh	DH11TB	9,00	5,25	8,00	7,4

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
11113228	Nguyễn Trung	Trúc	DH11NH	9,50	7,25	1,75	không đạt
11113221	Đào Văn	Trọng	DH11NH	8,25	8,25	5,25	7,3
10153083	Trần Thiên	Trường	DH10CD	10,00	7,50	8,75	8,8
11146044	Trần Văn	Trường	DH11NK	8,25	5,00	3,25	5,5
11161082	Lê Đức	Trung	DH11TA	8,75	9,25	7,50	8,5
11113222	Dương Kim	Trung	DH11NH	6,00	6,75	5,25	6
10138060	Phạm Quốc	Trung	DH10TD	8,25	7,00	1,50	không đạt
11150078	Nguyễn Bảo	Trung	DH11TM	8,00	7,75	5,00	6,9
12120298	Nguyễn Thị ánh	Trúc	DH12KT	6,00	2,00	2,13	không đạt
10112214	Lưu Thị Thanh	Trúc	DH10TY	6,25	5,25	2,00	không đạt
12127269	Huỳnh Anh	Tuấn	DH12MT	9,38	8,63	9,75	9,3
11139135	Nguyễn Ngọc	Tuấn	DH11HH	9,50	7,00	2,00	không đạt
12424090	Đoàn Minh	Tuấn	LT12QL	8,25	5,75	1,75	không đạt
11135072	Nguyễn Trương Linh	Tuấn	DH11TB	10,00	8,25	8,75	9
11124055	Nguyễn Anh	Tuấn	DH11QL	5,50	4,25	5,25	5
11333128	Trần Anh	Tuấn	CD11CQ	8,25	5,75	1,00	không đạt
11111114	Trần Anh	Tuấn	DH11CN	6,00	1,75	1,00	không đạt
11157346	Dương Trọng	Tuệ	DH11DL	2,00	6,50	1,25	không đạt
10123288	Nguyễn Duy	Tùng	DH10KEG	5,25	4,75	2,50	không đạt
11157351	Bùi Minh	Tùng	DH11DL	8,25	4,75	1,00	không đạt
10123265	Lê Thanh	Tùng	DH10KEG	8,25	6,00	4,00	6,1
10113253	Mai Anh	Tùng	DH10NHG	5,50	4,75	1,75	không đạt
11122122	Bùi Kim	Tùng	DH11QT	8,00	8,25	4,25	6,8
11125122	Đỗ Thanh	Tùng	DH11BQ	9,00	7,25	10,00	8,8
12422046	Hoàng Thanh	Tùng	LT12QT	6,00	7,25	6,50	6,6
11156014	Đỗ Thị Mỹ	Tú	DH11VT	8,00	6,50	9,75	8,1
12149090	Phạm Thị Ngọc	Tú	DH12DL	9,25	7,13	7,25	7,9
11363209	Võ Thị Cẩm	Tú	CD11CA	6,50	3,50	2,00	không đạt
11171116	Lê Thị Cẩm	Tú	DH11KS	4,25	6,25	8,25	6,3
12123256	Nguyễn Cẩm	Tú	DH12KE	9,00	8,63	7,00	8,2
11135073	Võ Thanh	Tú	DH11TB	8,25	9,00	3,25	6,8
11111094	Trần Thanh	Tú	DH11CN	6,00	6,00	1,00	không đạt
12333457	Nguyễn Văn	Tú	CD12CQ	9,00	9,38	7,00	8,5
11139137	Nguyễn Thị Phương	Túy	DH11HH	7,75	5,50	3,75	5,7
11149589	Võ Chí	Tuy	DH11QM	8,50	6,75	2,00	không đạt
11363039	Lê Trung	Tuyển	CD11CA	8,25	7,50	4,88	6,9
11112040	Nguyễn Minh	Tuyển	DH11TY	9,50	7,75	4,75	7,3
10154053	Nguyễn Lương	Tuyển	DH10OT	5,50	8,50	7,00	7
10135129	Nguyễn Thị Thanh	Tuyển	DH10TB	7,75	3,75	3,25	không đạt
11124130	Nguyễn Thị	Tuyển	DH11QL	6,25	5,00	3,00	không đạt
10336110	Nguyễn Văn	Tuyển	CD10CS	6,00	9,50	6,75	7,4
11148255	Đỗ Thanh	Tuyển	DH11DD	5,50	7,38	4,25	5,7
10124236	Nguyễn Ngọc	Tuyển	DH10QL	7,75	5,25	3,75	5,6
11363143	Huỳnh Hồng	Tuyển	CD11CA	3,50	3,25	2,00	không đạt

MSV	HO	TEN	ma lop	Win	Word	Excel	Điểm TB
12424093	Trần Thị Bích	Tuyền	LT12QL	7,75	6,75	4,50	6,3
11112295	Dương Thị ánh	Tuyết	DH11TY	8,25	8,50	5,50	7,4
12363214	Nguyễn Hoàng ánh	Tuyết	CD12CA	4,50	6,50	4,00	5
11333161	Trần Thị ánh	Tuyết	CD11CQ	5,75	8,25	4,25	6,1
11123053	Lưu Thị Yến	Tuyết	DH11KE	5,25	1,00	1,00	không đạt
11160109	Phạm Thị	Tuyết	DH11TK	5,50	2,00	3,00	không đạt
10123283	Trần ánh	Tuyết	DH10KEG	8,25	8,25	3,75	6,8
11143116	Lê Thị	Tuyết	DH11KM	8,25	9,00	3,00	6,8
11157350	Hứa Thị	Tuyết	DH11DL	6,75	7,50	3,13	5,8
11122125	Hồ Thị Tuyết	Vân	DH11QT	9,75	5,75	4,25	6,6
12123203	Đỗ Thị Cẩm	Vân	DH12KE	6,00	7,75	2,25	không đạt
11123057	Trần Thanh	Vân	DH11KE	6,75	9,75	7,50	8
11172203	Quan Hồng	Vân	DH11SM	8,00	8,25	4,00	6,8
10135138	Lê Anh	Văn	DH10TB	7,25	4,00	1,25	không đạt
12125063	Nguyễn Thị	Ven	DH12DD	6,25	8,25	7,50	7,3
12123063	Nguyễn Thị	Vi	DH12KE	4,25	9,25	7,50	7
12425022	Lê Nguyễn Hồng	Vi	LT12BQ	6,25	7,75	3,25	5,8
10143098	Thái Thị Thúy	Vi	DH10KM	8,25	6,25	6,00	6,8
11139186	Lê Thị Tường	Vi	DH11HH	9,50	6,50	7,00	7,7
11159004	Nguyễn Thị Tường	Vi	DH11AV	7,00	7,88	5,50	6,8
11126338	Trương Thị	Việt	DH11SH	8,50	6,25	5,50	6,8
11160114	Hoàng Đình Quang	Vinh	DH11TK	7,50	7,25	3,75	6,2
11160116	Nguyễn Danh	Vọng	DH11TK	9,50	9,50	9,00	9,3
11143222	Trương Văn	Vương	DH11KM	9,50	6,00	5,38	7
11135076	Phạm	Vũ	DH11TB	9,88	8,50	3,00	7,1
12117144	Trần Anh	Vũ	DH12CT	7,75	8,50	9,00	8,4
11160117	Nguyễn Tường	Vũ	DH11TK	9,25	9,50	9,00	9,3
11113246	Nguyễn Thanh	Vũ	DH11NH	7,00	8,25	7,75	7,7
12125516	Nguyễn Hoàn	Vũ	DH12DD	8,25	8,25	6,75	7,8
10123280	Nguyễn Khánh	Vỹ	DH10KEG	7,75	7,25	5,00	6,7
10135145	Hồ Đăng	Xuân	DH10TB	9,25	6,00	3,25	6,2
12120505	Phan Thị Thanh	Xuân	DH12KM	8,00	7,25	1,75	không đạt
11148289	Võ Thị Bích	Yến	DH11DD	9,25	9,38	9,00	9,2
11145261	Bùi Thị Ngọc	Yến	DH11BV	8,38	6,25	2,25	không đạt
11149448	Hoàng Thị	Yến	DH11QM	9,00	8,25	7,75	8,3
11141002	Nguyễn Hồng	Yến	DH11NY	9,25	8,00	7,00	8,1
11143120	Phan Thị	Yến	DH11KM	8,25	6,50	6,50	7,1
11148282	Trịnh Thị Ngọc	Yến	DH11DD	2,25	4,75	1,00	không đạt
11148048	Phan Thị	Yến	DH11DD	6,00	7,75	9,00	7,6
12122277	Phạm Văn	Yên	DH12QT	7,75	4,00	1,00	không đạt
11116005	Mai Hồng	Yên	DH11NT	6,75	5,25	0,88	không đạt
11363079	Nguyễn Đặng Như	ý	CD11CA	8,00	6,75	0,88	không đạt